

Số: 122 /2020 /QĐST- HNGĐ

Triệu Sơn, ngày 01 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 129/2020/TLST/HNGĐ ngày 7 tháng 5 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Vũ Đức B, sinh năm 1969

Đơn vị công tác: Đơn vị phân kho 4, kho K333, xã Hợp T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1974

Đơn vị công tác: Ban kế hoạch kho K333, xã Hợp T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; 82; 83 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Vũ Đức B, sinh năm 1969

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1974

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Đức B và chị Nguyễn Thị T.

- *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị có 02 con chung, tên các cháu là Vũ Phương To, sinh năm 1998 và cháu Vũ Phương M, sinh ngày 22/02/2004. Cháu T hiện nay đã trưởng thành, đi làm và tự nuôi sống bản thân, cháu M đang còn nhỏ. Ly hôn anh, chị thỏa thuận giao cháu Phương M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi cháu Mai đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản và phần nợ*: Vợ chồng anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Vợ chồng anh, chị thỏa thuận, anh B nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn) anh B đã nộp theo biên lai số AA/2018/0003963 ngày 04 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn được trừ 150.000 tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- Các đương sự
- VKS Triệu Sơn
- Chi cục thi hành án Triệu Sơn
- UBND xã Mỹ Lộc
- phòng Giám đốc án
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Lê Thị Thủy

TAND HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 96 /2020 /QĐST- HNGĐ

Triệu Sơn, ngày 03 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 130/2020/TLST/HNGĐ ngày 8 tháng 5 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc Ánh, sinh năm 1997

HKTT: Thôn 2, xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Chỗ ở hiện nay: Thôn 7 (nay là thôn 4), xã Thọ Phú, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Văn Chiến, sinh năm 1994

Trú tại: Thôn 2, xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc Ánh, sinh năm 1997

Bị đơn: Anh Lê Văn Chiến, sinh năm 1994

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Ngọc Ánh và anh Nguyễn Văn Chiến.

- *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và phần nợ*: Vợ chồng anh, chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Vợ chồng anh, chị thỏa thuận, chị Ánh nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn) chị Ánh đã nộp theo biên lai số AA/2018/0003973 ngày 7 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn được trừ 150.000 tiền án phí ly hôn sơ thẩm, trả lại cho chị Ánh 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- Các đương sự
- VKS Triệu Sơn

THẨM PHÁN

- Chi cục thi hành án Triệu Sơn
- UBND xã Thọ Phú
- phòng Giám đốc án
- Lưu hồ sơ

Lê Thị Thủy

